TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-PT
Ngày 23 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Thông

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Phạm Văn Cảnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Huế là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:** Bà Đào Thị Óng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLPT-DS, ngày 22-10-2018 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2018/QĐ-PT, ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hồng G - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Thị L - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ Y, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Lê Thanh N; địa chỉ: Thôn Đắk V, thị trấn Đ, huyện K, Đắk Nông.

3.2. Bà Lê Thị V, ông Đào Văn D

Cùng địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3.3. Bà Lê Thị M; địa chỉ: Tổ Z, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

3.4. Ông Phạm Đình X, ông Phạm Đình K; bà Mai Thị M; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Cảnh T; ông Trần Văn H; ông Nguyễn Đình H; bà Mai Thị T; bà Nguyễn Thị S; bà Hoàng Thị L; ông Đoàn Thanh H; ông Hà Đình U.

Cùng địa chỉ: Tổ V, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3.5. Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

3.6. Ông Nguyễn Văn N, địa chỉ: Số nhà H, thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-02-2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1989, ông bà khai hoang một thửa đất diện tích khoảng 1.000m^2, tại tổ X, thị trấn Đ, huyện K. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp bà Mai Thị M dài 12m; phía Tây giáp ông Đoàn Thanh H dài 14m; phía Nam giáp bà L, ông B dài 70m; phía Bắc giáp bà Nguyễn Thị L dài 70m.

Sau khi khai hoang, ông bà sử dụng đất trồng hoa màu và làm đường đi xuống rẫy ở phía sau, đến năm 1991 trồng được 12 cây điều. Vì con đường quá dốc, được bà Lê Thị V cho đất nên gia đình ông S làm con đường rộng 03m để đi vào rẫy và không sử dụng con đường này nữa, từ đó gia đình ông S không sử dụng đất mà cho chị Q (hiện không rõ địa chỉ) và chị M mượn đất làm một thời gian, sau đó hai chị không mượn nữa nên đất bỏ hoang nhưng vẫn còn một số cây điều, do chăm sóc không tốt nên không thu hoạch. Năm 2005, bà Mai Thị T có mượn hai người đến làm rẫy thì ông bà ngăn cản không cho làm.

Năm 2009, ông bà phát hiện được gia đình bà Phạm Thị L đã thuê người vào phát rẫy của ông nên ông ngăn cản, ông B nói đất này ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, gia đình bà L thuê người múc cây cà phê của gia đình bà L và múc cây điều của gia đình ông S để trồng cà phê, sự việc đã được UBND thị trấn hoà giải nhưng không có kết quả. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu ông B, bà L phải trả lại diện tích đất 922,2m^2, cụ thể phía Đông dài 17.03m, phía Tây dài 12.74m, phía Nam dài 69.74m, phía Bắc dài 66.69m, nằm trong thửa 568, tờ bản đồ 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Thị L trình bày:

Diện tích đất tranh chấp là do anh Phạm Ngọc C (em trai bà L) khai hoang vào năm 1988, diện tích ông C phát giáp với ông Nguyễn K, bà Mai Thị M, ông Đoàn Thanh H và ông B, đất của ông bà nằm ở giữa, không có phía nào giáp đất ông S, bà N. Sau khi khai hoang xong, anh C đã trồng cây cà phê, đến năm 1991, anh C về quê sinh sống và để lại diện tích đất đó cho ông bà canh tác. Ông bà sử dụng liên tục từ năm 1991 đến nay, không có tranh chấp.

Năm 1993, ông bà trồng xen cây điều lên phần đất dốc, đến năm 2012, phá bỏ cây cà phê, điều để trồng tái canh hoa màu, đến năm 2014 trồng lại cây cà phê. Năm 1997 địa chính đo đạc đất, năm 1998 cán bộ địa chính thị trấn có mời

các hộ dân đến nhận thửa trên bản đồ đã đo. Đất của ông bà là thửa 568, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.330m^2. Tuy nhiên, khi đo đạc ông bà không trực tiếp chỉ ranh giới, nên hình vẽ trên bản đồ không chuẩn, vì đất của ông bà liền một thửa, hình vuông nhưng hình trên bản đồ không phải hình vuông, thực tế đất gia đình bà đang sử dụng có cạnh giáp đất bà Nguyễn Thị L là đường thẳng, nhưng trên bản đồ lại kẻ chéo là không đúng với thực tế sử dụng, nhưng cạnh này không có tranh chấp. Ngày 15-4-2002, được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 568, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.330m^2, mục đích sử dụng trồng cà phê, đứng tên hộ ông Nguyễn Thanh B, gia đình sử dụng đất ổn định từ đó đến nay.

Quá trình sử dụng, do bận công tác, con còn nhỏ nên gia đình bà L có thuê bà Nguyễn Thị S, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị L, Lê Thị P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ làm rẫy và thuê ông P, ông Nguyễn Đình H tưới cà phê. Ông B, bà L khẳng định không lấn chiếm đất của gia đình ông S, nên ông S, bà N khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 922,2m^2 là không có căn cứ, ông bà không chấp nhận.

Tại bản án số 15/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Thị L trả lại diện tích đất 922,2m^2, thửa 568, tờ bản đồ 05 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh B theo GCNQSD đất số U 026230 cấp ngày 15-4-2002. Đất có tứ cận: phía Đông giáp bà Mai Thị M dài 17.03m, phía Tây giáp ông Đoàn Thanh H dài 12.74m, phía Nam giáp đất ông B, bà L dài 69.74m, phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị L dài 66.69m và tài sản trên đất là 89 cây cà phê (theo biên bản thẩm định ngày 30-6-2016).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-9-2018, bà Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà, buộc bị đơn trả lại đất lấn chiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và cho rằng diện tích đất tranh chấp gia đình ông S sử dụng từ năm 1989, năm 1990 trồng được 12 cây điều trên diện tích đất 1000m^2, sử dụng đến năm 2009 mới xảy ra tranh chấp. Bị đơn vẫn trình bày những nội dung như trong quá trình giải quyết tại Toà án cấp sơ thẩm và bổ sung thêm do gia đình bà L nhận sai thửa 483, nên sau khi ghi vào sổ địa chính thì kiểm tra lại diện tích đất thực tế gia đình bà đang sử dụng không phải thửa 483 và chính là thửa đất 568, nên gia đình bà không kê khai xin cấp giấy chứng nhận, mà chỉ kê khai xin cấp thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.330m^2 và đã được cấp giấy chứng nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết, ông S, bà N cho rằng nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp là do ông bà khai hoang năm 1989, sử dụng đất trồng hoa màu và làm đường đi xuống rẫy ở phía sau, đến năm 1990 trồng được 12 cây điều trên toàn bộ diện tích đất khai hoang là 1000m^2. Vì con đường quá dốc, nên được bà Lê Thị V cho gia đình ông S đất để làm con đường đi vào rẫy rộng 03m nên không sử dụng con đường trước đó nữa. Năm 1991 gia đình ông S cho chị Q (hiện không rõ địa chỉ) và chị Lê Thị M mượn đất làm một thời gian, sau đó hai chị không mượn nữa, nên đất bỏ hoang, nhưng vẫn còn một số cây điều, do chăm sóc không tốt, năng suất cũng chẳng được bao nhiêu nên không thu hoạch, chỉ để cho người khác vào nhặt. Năm 2005, bà Mai Thị T có mượn hai người đến phát rẫy thì ông bà ngăn cản không cho làm (BL 80). Tuy nhiên, lời khai của chị Lê Thị M thể hiện: *"Chị chưa bao giờ mượn đất của bà N để canh tác, bà N khai cho chị mượn đất của bà là không đúng"*(BL 212). Lời khai của bà Mai Thị T cũng xác định: *"Chưa bao giờ phát rẫy đất đang tranh chấp giữa bà N và bà L"* (BL 210).

[2] Quá trình giải quyết, ông S, bà N cung cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 637 ĐKTK-RĐ ngày 12-10-1993 mang tên ông Lê Hùng S, diện tích 3.300m^2, thửa đất số 483, mục đích sử dụng là đất thổ cư + cây CN, xứ đồng thôn 3, nguồn gốc sử dụng khai hoang, ông bà cho rằng diện tích đất trong giấy xác nhận số 637 chính là diện tích đất hiện nay đang tranh chấp. Tuy nhiên, tại công văn số 49/CV-UBND ngày 10-9-2018 của UBND thị trấn Đ trả lời: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND thị trấn Đ trả lời về thông tin về giấy xác nhận quyền sử dụng đất ố 637/ĐKTK-RĐ ngày 12-10-1993 mang tên hộ ông Lê Hùng S không thể hiện vị trí, sơ đồ thửa đất. Thông tin về thửa đất: Hộ ông S, bà Nguyễn Thị N đang sử dụng thửa đất số 515, tờ bản đồ 05, diện tích 4.745m^2, mục đích sử dụng đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm

4.345m^2, nguồn gốc khai hoang, đo đạc năm 1997, vị trí đất tại tổ X, thị trấn Đ. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thửa 515, tờ bản đồ 05, hộ ông Lê Hùng S khai hoang và sử dụng từ đó đến nay đã được UBND huyện K cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 637 ĐKTK-RĐ ngày 12-10-1993 mang tên hộ ông Lê Hùng S là đúng. Thông tin thửa đất tranh chấp: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính vị trí tranh chấp mà hộ ông Lê Hùng S kiện ông Nguyễn Thanh B nằm trong thửa đất số 568, tờ bản đồ 05, đo đạc năm 1997 đã cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Thanh B. Không liên quan gì đến giấy xác nhận QSD đất số 637 ĐKTK-RĐ ngày 12-10-1993 mang tên hộ ông Lê Hùng S (BL 414). Đến ngày 26-10-2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N xác định: "*Đối với giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 637 ĐKTK-RĐ ngày 12-10-1993 mang tên hộ ông Lê Hùng S, qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ địa chính tại tờ bản đồ số 05, đo đạc năm 1997 và sổ Địa chính, sổ Mục kê đất đai UBND thị trấn Đ không xác định được vị trí ngoài thực địa".*

[3]. Căn cứ vào bản đồ giải thửa số 05 đo năm 1997 thì thửa đất số 483, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.115m^2 trên thực tế hộ bà L là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước đến nay (BL 240). Tuy nhiên, trong sổ địa chính lại ghi tên ông Nguyễn Thanh B là có sự nhầm lẫn trong thủ tục hành chính, bởi vì tại phiên toà phúc thẩm bà L cho rằng do gia đình bà L nhận sai thửa 483, nên sau khi ghi vào sổ địa chính thì kiểm tra lại diện tích đất thực tế gia đình bà đang sử dụng không phải thửa 483 và chính là thửa đất 568, nên gia đình bà không kê khai xin cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 483, mà kê khai thửa đất số 568, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.330m^2 và đã được cấp giấy chứng nhận.

[4]. Người làm chứng Phạm Đình X khai vào năm 1991-1992 thấy gia đình bà N canh tác trên thửa đất đó, sau đó bỏ hoang đến năm 2013 thì gia đình bà L phát và múc đất trồng cà phê (BL 53). Ông Phạm Đình H khai thửa đất đó trước đây có một lần ông thấy ông Lê Hùng S phát, không rõ để làm rẫy hay làm đường đi sau đó ai sử dụng thì ông không biết (BL 57). Tuy nhiên, những người làm chứng cho gia đình bà L đều xác định diện tích đất tranh chấp do ông C (em bà L) khai hoang từ năm 1987, năm 1991 trồng cà phê, sau đó ông C chuyển về quê sinh sống giao lại đất cho gia đình bà L quản lý, sử dụng. Do đó, lời khai của những người làm chứng nêu trên là không có căn cứ.

[5]. Ngoài ra, ông S, bà N còn cung cấp biên lai thuế về việc phúc tra diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 02-5-1997, biên lai thu thuế sử dụng đất ngày 01-11-1997, biên lai thu thuế nhà, đất ngày 09-7-1997 (BL 218, 352, 353). Tuy nhiên, tại biên bản xác minh UBND thị trấn Đ ngày 12-3-2018 trả lời: Biên bản về việc phúc tra diện tích đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 02-5-1997 không thể hiện số lô, số thửa và tờ bản đồ, không thể hiện được vị trí thửa đất đã nộp thuế (BL 314).

[6]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông ông B, bà L thì ông bà xác định diện tích đất hiện đang tranh chấp là do ông Phạm Ngọc C (em trai bà L) khai hoang từ năm 1987, sau đó trồng cây cà phê, đến năm 1991 anh C về quê nên để lại diện tích đất này cho ông bà sử dụng từ đó đến nay. Ngày 28-12-2002 ông Nguyễn Thanh B làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (BL 82). Đến ngày 15-4-2002, được cấp GCNQSD đất số U026230, thửa 568, tờ bản đồ 05, diện tích 3.330m^2 tại tổ X, đứng tên hộ ông Nguyễn Thanh B. Quá trình khai hoang và sử dụng đất có rất nhiều người biết cụ thể: Lời khai của ông Phạm Ngọc C xác định: Năm 1987 ông có khai hoang thửa đất giáp với ông Nguyễn K, bà Mai Thị M, ông Đoàn Thanh H và ông B. Đầu mùa mưa năm 1988 ông đã trồng được 130 cây cà phê trên diện tích đất phát được gần 5.000m^2, đến năm 1991 do điều kiện gia đình ông phải về quê, nên đã để lại toàn bộ diện tích đất cho bà L canh tác, sử dụng (BL 62). Lời khai của bà Mai Thị M là người sử dụng đất liền kề với đất của gia đình bà L và bà N xác định: Bà thấy gia đình bà L khai hoang và sử dụng thửa đất (không biết số thửa) liên tục từ năm 1988 đến nay, nhưng không biết có nằm trong diện tích đất tranh chấp hay không. Bà N có một thửa đất ở phía Đông đất của bà M, còn gia đình bà L có một thửa đất ở phía Tây đất của bà M (đất bà M ở giữa, cả hai gia đình hiện vẫn đang canh tác (BL 42). Ông Nguyễn Đình H khai thửa đất hiện nay gia đình bà L đang sử dụng trước đây ông C (em bà L) sử dụng sau đó để lại cho bà L. Khoảng năm 1991-1992 ông có đi tưới cà phê thuê cho gia đình bà L tại thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Từ khi ông đến sinh sống tại huyện K vào năm 1989 đến nay không thấy gia đình bà N sử dụng đất đó (BL 43). Bà Nguyễn Thị L khai năm 1994 bà được con trai là Nguyễn Cảnh T cho một thửa đất có cạnh phía Nam giáp đất bà L, từ khi bà sử dụng đất đến nay chỉ thấy gia đình bà L sử dụng đất, không thấy gia đình ông S sử dụng đất đó (BL 44). Bà Hoàng Thị L xác định vào thời gian từ năm 1993 đến năm 2000 bà thường xuyên đi làm thuê cho gia đình bà L, không thấy gia đình bà N canh tác trên đất đó (BL 48). Bà Nguyễn Thị S là người đi làm thuê cho gia đình bà L từ năm 1989 thấy gia đình bà L sử dụng thửa đất hiện đang tranh chấp từ đó đến nay (BL 50). Ông Nguyễn Cảnh T, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Mai Thị T, ông Nguyễn Văn Đ đều xác định: Diện tích đất hiện đang tranh chấp trước đây do ông C (em bà L) khai hoang, sau đó ông C về quê để lại cho bà L, ông B sử dụng từ đó đến nay.

[7]. Ngày 24-5-1992, Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ ban hành Thông báo số 10/TB-UB về việc quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất năm 2001-2010. Thôn Đ: Hội trường thôn + sân bóng mi ni lấy từ đất cà phê, tiêu của hộ ông Nguyễn Thanh B, ông Đoàn Thanh H diện tích 1.015m^2 (BL 93). Quá trình sử dụng đất ông B, bà L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất từ năm 1996 đến năm 2002 (BL87-92). Như vậy, lời khai của ông B, bà L về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, vị trí thửa đất là phù hợp với lời khai của những người làm chứng

và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà được cấp. Mặc dù trong giấy chứng nhận ông B được cấp diện tích 3.330m^2 (BL 100). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất thực tế gia đình ông B đang sử dụng là 3.404m^2, dư 74,2m^2 (BL 134a). Tuy nhiên, trên thực tế ranh giới đất giữa các hộ liền kề rõ ràng, không có tranh chấp nên không xem xét.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông S, bà N khởi kiện yêu cầu ông B, bà L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 922,2m^2 là không có căn cứ để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà N đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng S và bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Thị L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.291.000 đồng *(Một triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*, được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 007323 ngày 31-3-2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N còn phải nộp 1.091.000 đồng *(Một triệu không trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Hùng S, bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.725.000 đồng, được trừ 1.725.000 đồng tạm ứng ông H, bà N đã nộp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003031 ngày 14-9-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Thông